TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/DS- ST
Ngày 22 tháng 01 năm 2026
"*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hào và bà Phan Thị Mấy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Dụ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST- DS ngày 25 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 01/2026/QĐST-DS ngày 12/01/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khu phố 05, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đào Ngọc Th, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn H, xã N, tỉnh Thanh Hoá.

(*Theo văn bản uỷ quyền ngày 12/12/2025*)

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn Th, sinh năm 1987

Địa chỉ: xã H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà có mặt người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn trình bày:

Do bà H và ông Th có quan hệ chị em họ, tin tưởng nên bà H đã cho ông Th vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), bằng hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng đến số tài khoản 3523215005005 của ông Th mở tại Ngân hàng Agribank, cụ thể:

+ Lần 1 bà H chuyển khoản qua ngân hàng Agribank vào ngày 08/4/2021 số tiền 60.000.000 đồng.

+ Lần 2 bà H chuyển khoản qua ngân hàng BIDV vào ngày 7/5/2021 số tiền 40.000.000 đồng.

Sau khi cho vay, bà H đã nhiều lần yêu cầu ông Th trả nợ nhưng ông Th không trả. Đến ngày 07/7/2025, bà H chính thức gửi thông báo đòi nợ đến ông Th, yêu cầu ông Th phải trả nợ nhưng đến nay ông Th vẫn không trả cho bà H bất kỳ khoản tiền nào.

Nay bà H yêu cầu Toà án buộc ông Th hoàn trả toàn bộ số tiền gốc đã vay là 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi trên số tiền gốc đã vay.

Tại bản tự khai ngày 13/11/2025, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 12/12/2025, bị đơn ông Võ Văn Th trình bày:

Năm 2021, ông nhận được số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) qua tài khoản ngân hàng từ bà Nguyễn Thị H. Mục đích bà H chuyển khoản là để trả nợ cho mẹ ông Th. Ông Th thừa nhận mình không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh nội dung đã trình bày này.

Ông Th vẫn cho rằng số tiền ông nhận được từ bà H là tiền bà H trả nợ cho mẹ ông là bà Lưu Thị Phòng, sinh năm 1949, nên ông không đồng ý trả nợ cho bà H và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã xuất trình 02 bản chính biên lai chuyển tiền ngân hàng đề ngày 08/4/2021 và ngày 07/5/2021, đều thể hiện cùng một nội dung chuyển tiền: "*Chị H cho em Thuận mượn tiền mua nhà*". Đối với bị đơn đã được yêu cầu nhưng không cung cấp bất kỳ chứng cứ, tài liệu gì.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu được thu thập khách quan, đúng quy định của pháp luật có trong hồ sơ vụ án, được công bố công khai cho các đương sự, Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng các đương sự vẫn không thống nhất được phương án trả nợ.

Tại phiên toà, ông Đào Ngọc Th là người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, khẳng định số tiền 100.000.000đ

(một trăm triệu đồng) bà chuyển khoản cho ông Võ Văn Th là tiền bà H cho ông Th vay, không phải là tiền bà H trả nợ cho mẹ ông Th như ông Th trình bày. Hiện nay ông Th vẫn chưa trả được bất kỳ khoản nào cho bà H nên ông Thuyên đề nghị Toà án giải quyết buộc ông Th phải trả cho bà H toàn bộ số tiền nợ là 100.000.000 đồng, ngoài ra bà H không yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện việc giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tiến hành xét xử đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 21, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*); các Điều 280, 351, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, điểm b tiểu mục 1.3 mục II Danh mục án phí Toà án, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Võ Văn Th phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*).

Về án phí: Đề nghị buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyên giải quyết: Ông Võ Văn Th là bị đơn, có nơi cư trú tại xã Hồi Xuân, tỉnh Thanh Hoá, nên Tòa án nhân dân khu vực 13 – Thanh Hoá giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thực hiện đối chất giữa các đương sự theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

Tại phiên tòa, do ông Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Th theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Mặc dù bà H và ông Th không xác lập hợp đồng vay tài sản bằng văn bản, nhưng căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập quan hệ vay tài sản, loại hợp đồng không kỳ hạn. Đến ngày 07/7/2025 bà H đã chính thức gửi yêu cầu đòi nợ đến ông Th nhưng ông Th không thực hiện. Trên cơ sở đó, HĐXX xác định đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

[4] Về nội dung vụ án:

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải, biên bản đối chất và quá trình giải quyết vụ án các bên đều thống nhất xác định: Việc bà H chuyển tiền cho ông Th tổng số tiền 100.000.000 đồng là có thật, thể hiện qua 01 biên lai chuyển khoản đề ngày 08/4/2021 số tiền 60.000.000 đồng và 01 biên lai chuyển khoản đề ngày 07/5/2021 số tiền 40.000.000 đồng. 02 biên lai này được phía nguyên đơn bà H giao nộp, có trong hồ sơ vụ án, đều thể hiện nội dung bà H chuyển tiền cho ông Th mượn để mua nhà. Ông Th đã nhận đủ 100.000.000 đồng qua số tài khoản của ông là 3523215005005, mở tại Ngân hàng Agribank, đúng như ghi trong 02 biên lai chuyển khoản nêu trên. Hiện nay ông Th chưa trả lại bất kỳ khoản tiền nào liên quan đến số tiền 100.000.000 đồng này.

Các sự kiện trên đã được các bên thừa nhận nên không cần phải chứng minh và được sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án.

Nay ông Th có ý kiến cho rằng đây là số tiền bà H chuyển khoản trả lại cho mẹ của của ông Th. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, ông Th không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh mục đích bà H chuyển khoản cho ông Th như ông Th đã trình bày.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu mà các bên đã cung cấp, quá trình hoà giải, đối chất tại Toà án cũng như quá trình tranh tụng tại phiên toà, HĐXX xét thấy nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị H là có cơ sở nên được chấp nhận. Theo đó, buộc ông Võ Văn Th phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*).

Về lãi suất, nguyên đơn không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Võ Văn Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*); các Điều 463, 466, 357, 468, 469 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Võ Văn Th phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*).

2. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nộp Ngân sách nhà nước.

Trả lại bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí số BLTU/25E/0002574 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 13 - Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Hoàng